

ẢNH HƯỞNG CỦA KẾ TOÁN ĐIỆN TỬ ĐẾN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Lê Trang, Hoàng Thị Mai Anh*, Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Thị Hải Bình

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**Tác giả liên hệ: htmaianh@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 25.11.2024

Ngày chấp nhận đăng: 27.12.2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm xác định ảnh hưởng của kế toán điện tử tới tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở kế thừa một số nghiên cứu trước cùng chủ đề để xem xét sự ảnh hưởng của xu hướng áp dụng kế toán điện tử tới tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội, thực hiện khảo sát 374 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội với các loại hình kinh doanh khác nhau, kết quả nghiên cứu cho thấy, việc áp dụng kế toán điện tử của các doanh nghiệp này đã tăng lên cả về số lượng và mức độ áp dụng. Việc áp dụng này đem lại hiệu quả về mặt thời gian, chất lượng thông tin và sử dụng thông tin. Đây là căn cứ hữu ích giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy mạnh việc áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán.

Từ khóa: Kế toán điện tử, tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Impact of E-accounting on Accounting Organization in Small and Medium-sized Enterprises in Hanoi

ABSTRACT

This study aimed to determine the impact of E-accounting on the organization of accounting activities in small and medium-sized enterprises in Hanoi. Based on previous studies on the same topic, the research assessed the influences of the trend of E-accounting adopting in organization of accounting work in small and medium-sized enterprises in Hanoi. From the survey of 374 small and medium-sized enterprises in Hanoi in different industries, the results indicated that the application of E-accounting in these enterprises has increased in both quantity adoption level. The application of E-accounting brings efficiency in terms of time, information quality, and information use. This is a useful basis to help small and medium-sized enterprises promote the application of E-accounting in the organization of accounting work..

Keywords: E-accounting, organization of accounting activities, SMEs.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kế toán điện tử (E-accounting) là việc vận dụng công nghệ thông tin (CNTT) để thu thập, ghi chép, lưu trữ và phân tích dữ liệu nhằm kiểm soát tính chính xác và an toàn thông tin. Theo Teru & cs. (2019), kế toán điện tử làm hài lòng nhà quản lý và kế toán viên vì tiết kiệm chi phí, lưu trữ online và thuận tiện cho việc truy cập. Theo Kumar & Preety (2012), Fitriati & Mulyani (2015), kế toán điện tử làm thay đổi cơ

bản phương thức thực hiện công việc kế toán, truy cập trực tuyến, dung lượng lưu trữ thông tin kế toán lớn, tiết kiệm chi phí duy trì, đơn giản hóa việc quản trị. Nghiên cứu của Nwoku (2023), cũng chỉ ra, nếu kế toán điện tử được áp dụng một cách phù hợp sẽ nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên kế toán, giúp hệ thống kế toán hoạt động liên tục và là cơ sở để đưa ra quyết định kinh doanh hiệu quả, tiết kiệm chi phí cũng như góp phần mang lại lợi ích chung cho doanh nghiệp (DN). Kế toán điện tử tác động

đáng kể đến quá trình ghi sổ, tăng cường sự kiểm soát tài chính, cung cấp thông tin tổng quát về tình hình tài chính và phân bổ nguồn lực, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho nhà quản lý (Zakaria & cs., 2011), đồng thời giúp kế toán giảm áp lực và khối lượng công việc ghi chép, có thể đảm nhiệm và thực hiện nghiệp vụ chuyên sâu hơn đồng thời tăng hiệu quả công việc của họ (Nwokwu, 2023).

Trong bối cảnh CNTT ngày càng đóng vai trò quan trọng, cốt lõi để hỗ trợ mọi ứng dụng hoạt động sản xuất kinh doanh, việc áp dụng kế toán điện tử trong DN đang trở thành xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, theo Teru & cs. (2019) để DN nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) nói riêng áp dụng kế toán điện tử cần tính bảo mật của dữ liệu, nhân viên kế toán cần được đào tạo về kiến thức và kỹ năng để đáp ứng được quá trình triển khai, vận hành kế toán điện tử hiệu quả. Nghiên cứu của Artik & Kula (2023) cũng chỉ ra một số hạn chế và cản trở của kế toán điện tử tới hiệu quả công việc: cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo và sự hạn chế về trình độ tin học, áp dụng kế toán điện tử làm tăng chi phí, tăng khối lượng công việc và gây nhiều sự cố kỹ thuật. Chính vì vậy, việc áp dụng kế toán điện tử đạt hiệu quả trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế luôn là bài toán khó của nhiều DN, đặc biệt các DNNVV.

Trong khi số lượng DNNVV thành lập mới hàng năm liên tục tăng (ít nhất tại Việt Nam), tỷ lệ DNNVV luôn đạt trên 90% trong tổng số DN đang hoạt động (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023), thì việc áp dụng kế toán điện tử trong khối DN này sẽ ngày càng tăng. Kế toán điện tử đem lại nhiều ưu điểm, tuy nhiên quá trình áp dụng kế toán điện tử tại Việt Nam vẫn còn khó khăn và bất cập. Nghiên cứu của Phan Lê Trang & cs. (2022) đã chỉ ra một số bất lợi cho các DNNVV áp dụng CNTT trong công tác kế toán gồm: (i) các nhà quản lý DNNVV vẫn chưa ủng hộ mạnh mẽ việc ứng dụng CNTT trong công tác kế toán; (ii) nhược điểm của các sản phẩm CNTT cụ thể cho kế toán tuân theo các điều kiện mới của giao dịch kinh doanh hoặc thủ tục kế toán; (iii) không có nhân viên hoặc nhân viên kế toán có năng lực về CNTT tốt; (iv) giới

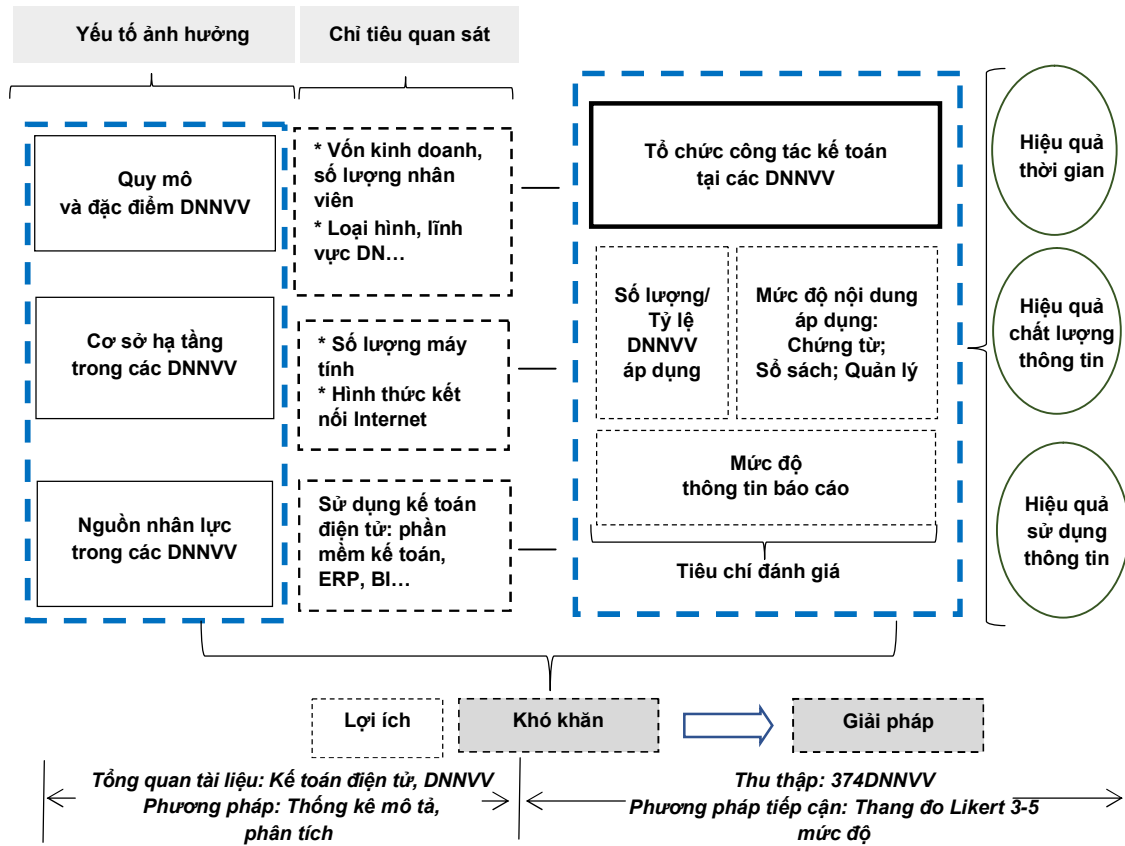
hạn của quỹ kinh doanh hoặc vốn đầu tư; (v) sản phẩm CNTT áp dụng thiếu hoặc không có tính năng cho mục đích kế toán; (vi) khó kiểm soát giá cả và chất lượng của các sản phẩm CNTT. Hà Nội là một trong số ít tỉnh có số DNNVV lớn nhất cả nước và đa dạng về loại hình, lĩnh vực hoạt động.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu này được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 5-8/2024 để đo lường ảnh hưởng của kế toán điện tử đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mục tiêu của nghiên cứu là chỉ ra mức độ ảnh hưởng về lợi ích đem lại và khó khăn phải đối mặt của DNNVV khi áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán, từ đó làm cơ sở đề xuất giải pháp thúc đẩy việc áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trên địa bàn nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tiếp cận và thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu tiếp cận chính từ phía DNNVV và trên cơ sở kế thừa một số nghiên cứu trước cùng chủ đề để xem xét sự ảnh hưởng của xu hướng áp dụng kế toán điện tử tới tổ chức công tác kế toán trong DN. Xuất phát từ kết quả nghiên cứu của Phan Lê Trang & cs. (2022a) về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng CNTT trong công tác kế toán và kết luận mức áp dụng kế toán điện tử “chưa đáng kể” trong DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2015-2022. Nghiên cứu thực hiện đối chiếu với xu hướng DN áp dụng phần mềm kế toán, ứng dụng điện tử vào tổ chức công tác kế toán ngày càng tăng (đặc biệt từ khi nghị định 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam về hóa đơn và chứng từ điện tử được ban hành) để kiểm chứng và nhận diện sự ảnh hưởng của kế toán điện tử đến tổ chức công tác kế toán của DN. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 400 DNNVV trên địa bàn Hà Nội năm 2024 (từ khâu lập chứng từ, ghi sổ đến báo cáo kế toán của đơn vị) theo thang đo Likert 3-5 mức độ ảnh hưởng theo mô hình nghiên cứu được thể hiện qua hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

2.2. Thu thập dữ liệu

Ngoài số liệu thứ cấp từ các nguồn có sẵn và Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định tiêu chí xác định DNNVV, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp từ việc phỏng vấn các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội theo công thức chọn mẫu của Slovin (1961):

$$n = N / \{1 + N(e^2)\}$$

Trong đó:

N: Tổng mẫu được xác định theo số lượng DNNVV do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố 2023 (chiếm 97,2% tổng số 351.000 DN là 341.172 DNNVV)

e: Sai số (chỉ số sai số cho phép xác định là 10%).

n: là số mẫu được chọn ($n = 341.172 / \{1 + 341.172 \times (0,1)^2\} = 100$ DNNVV)

Như vậy, 100 DNNVV là mẫu điều tra tối thiểu. Tuy nhiên, để nâng cao tính đại diện của

mẫu và để đảm bảo chất lượng của kết quả điều tra, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 400 DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau quá trình phỏng vấn, thu được 374 mẫu hợp lệ (phản hồi và có thông tin ý nghĩa). Các DNNVV được lựa chọn không phân biệt loại hình và lĩnh vực kinh doanh để đủ số lượng trên cơ sở phát triển các mối quan hệ sẵn có của nhóm nghiên cứu, trong thời gian từ tháng 5-8/2024. Sau đó mẫu nghiên cứu được phân loại, dựa trên quy định tại Điều 5 “Tiêu chí xác định DNNVV” của Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ để xác định DNNVV. Người đại diện DN trả lời phỏng vấn là Kế toán trưởng hoặc đại diện Ban quản trị... Nội dung thông tin thu thập bằng bảng hỏi thiết kế sẵn gồm: (i) Đặc điểm chung của DNNVV được khảo sát; (ii) Điều kiện cơ sở vật chất, nguồn nhân lực áp dụng kế toán điện tử; (iii) Thực trạng nội dung áp dụng kế toán điện tử; (iv) Những lợi ích và khó khăn khi áp dụng kế

toán điện tử; (v) Các nội dung khác liên quan đến áp dụng kế toán điện tử (như động cơ và mong muốn áp dụng,...). Trong đó, nghiên cứu tập trung vào việc đo lường ảnh hưởng của kế toán điện tử tới tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mức độ yêu cầu được đo lường theo thang đo Likert 5 mức độ điểm (Jamieson & Susan, 2013) gồm: 1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Trung bình; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý. Số liệu được xử lý thông qua phần mềm SPSS 20 để thấy được ảnh hưởng của kế toán điện tử đến tổ chức công tác kế toán của đơn vị. Sau khi thu thập, số liệu sẽ được làm sạch (theo quy định) trước khi dùng để phân tích sâu các nội dung nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu.

2.3. Xử lý dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập, thực hiện thông qua biểu diễn số liệu dưới dạng đồ thị, bảng thống kê tóm tắt. Phương pháp so sánh dùng để so sánh các yếu tố về quy mô, đặc điểm, điều kiện cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, số lượng (tỷ lệ) DN, nội dung (mức độ) áp dụng kế toán số của DNNVV để xác định những thay đổi trong tổ chức công tác kế toán và hiệu quả mà kế toán điện tử đem lại. Ngoài ra, Kiểm định Cronbach's Alpha kết hợp Thang đo Likert cũng được áp dụng để đo lường mức độ tin cậy của thang đo (kế toán điện tử thúc đẩy tổ chức công tác kế toán hiệu quả). Kiểm định thang đo với hệ số tương quan Cronbach Alpha để loại các biến không phù hợp trong từng nhóm trước. Các biến có hệ số tương quan Cronbach Alpha giữa các biến có giá trị nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại (Nunnally & Burstein, 1994). Sau đó, các biến tiếp tục được lựa chọn khi hệ số tin cậy Cronbach Alpha có trị số từ 0,6 trở lên (Hair & cs., 2006) để tính giá trị trung bình trong thang đo Likert. Ý nghĩa của giá trị trung bình của thang đo Likert trong trường hợp này được tính như sau:

Giá trị khoảng cách = (Giá trị tối đa – Giá trị tối thiểu) / n = (5 – 1)/5 = 0,8

Trong trường hợp này ý nghĩa của 5 mức độ trong thang đo Likert là “1,00-1,80: Rất ít;

1,81-2,60: Ít; 2,61-3,40: Bình thường; 3,41-4,20: Nhiều; 4,21-5,00: Rất nhiều”.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm DNNVV thuộc mẫu khảo sát

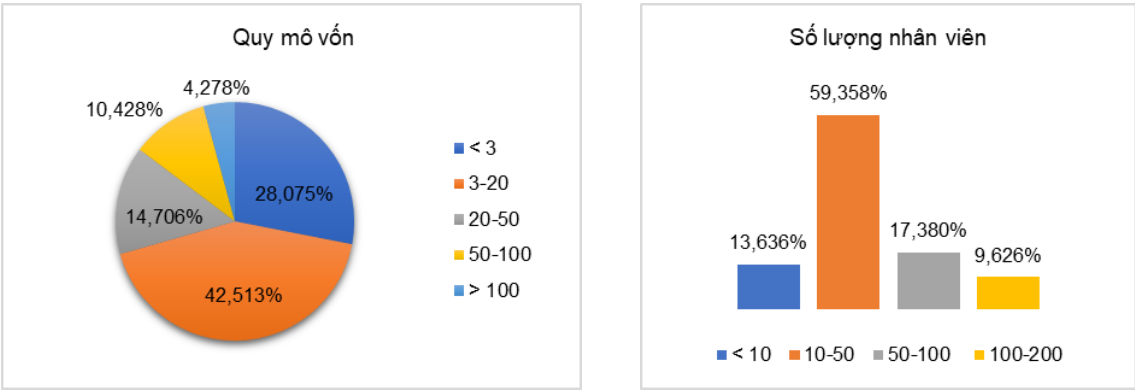
Trong mẫu 374 DNNVV khảo sát hầu hết (59,36%) là các DN nhỏ với tổng số lao động từ 10 đến 50 lao động, có 85,29% DN thuộc các DN siêu nhỏ và nhỏ, có quy mô vốn dưới 50 tỷ đồng.

Số liệu bảng 1 cho thấy, trong mẫu khảo sát số DN hoạt động lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm 57,75%, lĩnh vực sản xuất - xây lắp là 33,96%, còn lại là lĩnh vực nông, lâm nghiệp và kết hợp (chiếm 8,29%). Về loại hình DN, công ty TNHH hoặc công ty CP chiếm 96,26% và chỉ có số rất ít còn lại là DN tư nhân (3,74%). Có 310 DNNVV có người đại diện trả lời là kế toán trưởng và kế toán viên, 48 DNNVV là giám đốc, còn lại 16 DNNVV là các phó giám đốc. Các đối tượng phỏng vấn có kinh nghiệm từ 4-10 năm chiếm 63,64%.

Về thiết bị ứng dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán, có 70,59% DNNVV trong mẫu khảo sát có từ 5 máy tính trở lên, 77,27% có website điện tử, mạng wifi với đường truyền kết nối riêng. Tỷ lệ này đã thay đổi đáng kể so với kết quả nghiên cứu của Phan Lê Trang & cs. (2022) tương ứng là 45,7% và 50,54%.

3.2. Thực trạng áp dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán

Số liệu ở hình 3 cho thấy, phần mềm kế toán được các DNNVV áp dụng nhiều nhất (chiếm 78%), chỉ có 8% các DNNVV sử dụng kế toán bán thủ công. Tỷ lệ DNNVV áp dụng kế toán điện tử đã tăng lên đáng kể so với giai đoạn trước đó (theo nghiên cứu của Phan Lê Trang & cs. (2022), có trên 50% DN không áp dụng kế toán số và chỉ có 34,86% các DNNVV áp dụng phần mềm kế toán), ngoài ra có một số DNNVV đã ứng dụng công nghệ điện toán đám mây (5%), ứng dụng thiết bị quản lý thông minh, trí tuệ nhân tạo (BI - Business Intelligence) trong công tác kế toán. Hình 3 đã phản ánh tỷ lệ áp dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán tại các DNNVV có ý nghĩa trong việc thúc đẩy trong các hoạt động của các DNNVV.



Hình 2. Đặc điểm quy mô vốn và lao động DNNVV thuộc mẫu khảo sát (năm 2024)

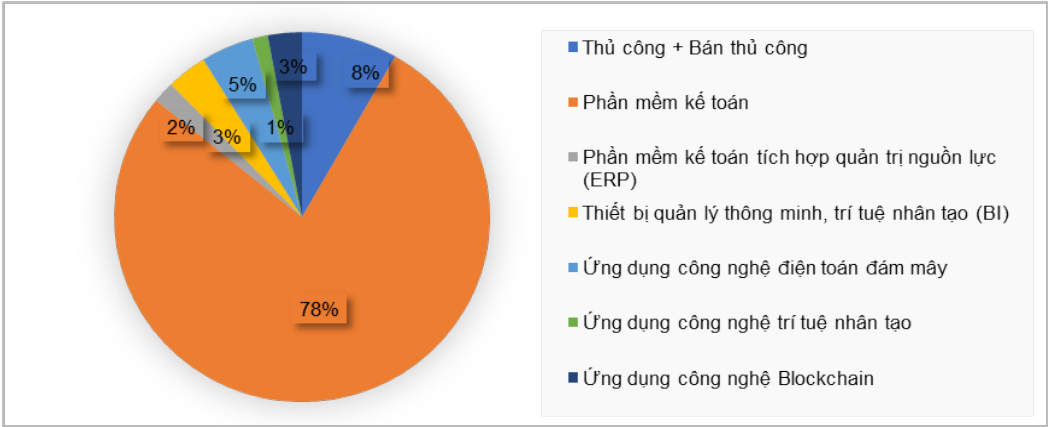
Bảng 1. Đặc điểm lĩnh vực hoạt động của DNNVV và người đại diện được phỏng vấn thuộc mẫu khảo sát (năm 2024)

Lĩnh vực hoạt động	Số DN	Tỷ lệ	Kinh nghiệm người được phỏng vấn	Số người	Tỷ lệ
Sản xuất xây lắp	127	33,96	1-3 năm	44	11,76
Thương mại dịch vụ	216	57,75	4-5 năm	117	31,28
Nông, lâm nghiệp	18	4,81	6-10 năm	121	32,35
Sản xuất và thương mại	13	3,48	Trên 10 năm	92	24,60
Tổng	374	100	Tổng	374	100
Loại hình đăng ký KD	Số DN	Tỷ lệ	Vị trí công việc của người được phỏng vấn	Số người	Tỷ lệ
Công ty cổ phần	179	47,86	Giám đốc	48	12,83
Trách nhiệm hữu hạn	181	48,40	Phó giám đốc	16	4,28
Doanh nghiệp tư nhân	14	3,74	Kế toán trưởng	119	31,82
Tổng	374	100	Kế toán viên	191	51,07
			Tổng	374	100

Bảng 2. Đặc điểm cơ sở hạ tầng ứng dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán thuộc mẫu khảo sát (năm 2024)

Mạng internet	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng máy vi tính	Số lượng	Tỷ lệ
Mạng wifi	289	77,27	1-5 máy	110	29,41
Mạng Lan	56	14,97	5-10 máy	119	31,82
Wifi và Lan	25	6,68	10-15 máy	67	17,91
Khác (Extranet...)	4	1,07	15-20 máy	25	6,68
Tổng	374	100	Trên 20 máy	53	14,17
Hình thức kết nối internet	Số lượng	Tỷ lệ	Tổng	374	100
Kết nối ADSL	138	36,90			
Kết nối đường truyền riêng	214	57,22			
Cả ADSL và kết nối đường truyền riêng	22	5,88			
Tổng	374	100			

Ảnh hưởng của kế toán điện tử đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội



Hình 3. Tỷ lệ DNNVV áp dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán (năm 2024)

Bảng 3. Thực trạng nội dung áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV (năm 2024)

Mức độ đánh giá	Lập chứng từ thực hiện (ghi sổ kế toán)		Lập chứng từ liên quan đến nghiệp vụ		Ghi sổ kế toán (tổng hợp, chi tiết)	
	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ
Thủ công + Bán thủ công	39	10,43	31	8,29	30	8,02
Phần mềm kế toán	284	75,94	290	77,54	291	77,81
Phần mềm kế toán tích hợp quản trị nguồn lực (ERP)	5	1,34	7	1,87	8	2,14
Thiết bị quản lý thông minh, trí tuệ nhân tạo (BI)	14	3,74	12	3,21	13	3,48
Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây	16	4,28	19	5,08	16	4,28
Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo	5	1,34	5	1,34	5	1,34
Ứng dụng công nghệ Blockchain	11	2,94	10	2,67	11	2,94

Mức độ đánh giá	Lập bảng cân đối tài khoản, lập BCTC		Lập các bảng biểu kế toán quản trị		Lập báo cáo kế toán quản trị	
	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ
Thủ công + Bán thủ công	25	6,68	28	7,49	32	8,56
Phần mềm kế toán	294	78,61	294	78,61	288	77,01
Phần mềm kế toán tích hợp quản trị nguồn lực (ERP)	8	2,14	5	1,34	7	1,87
Thiết bị quản lý thông minh, trí tuệ nhân tạo (BI)	14	3,74	15	4,01	11	2,94
Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây	17	4,55	16	4,28	20	5,35
Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo	6	1,60	5	1,34	5	1,34
Ứng dụng công nghệ Blockchain	10	2,67	11	2,94	11	2,94

Bảng 4. Mức độ thông tin báo cáo khi áp dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán tại các DNNVV (năm 2024)

Chỉ tiêu	Trung bình	Mức điểm thấp nhất	Mức điểm cao nhất
Ghi sổ và lập báo cáo	3,84	2	5
Tra cứu các thông tin liên quan đến báo cáo	3,84	2	5
Cung cấp tài liệu cho các báo cáo quản lý	3,63	1	5
Phân tích các báo cáo kế toán	3,83	2	5

Tìm hiểu sâu nội dung chuyên môn áp dụng kế toán điện tử, nghiên cứu thu thập được việc ứng dụng một phần (kết hợp Excel) được áp dụng chủ yếu vào việc lập chứng từ kế toán. Các DNNVV đã áp dụng nhiều ứng dụng kế toán điện tử khác nhau trong công tác ghi sổ, lập các báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là các phần mềm kế toán chuyên dụng. Các đơn vị cũng lưu trữ các dữ liệu của công tác kế toán qua ứng dụng công nghệ điện toán đám mây. Tuy nhiên, việc sử dụng các phần mềm chuyên nghiệp như ERP (Enterprise Resource Planning) vẫn còn khá hạn chế. Điều này phản ánh các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội chưa quen sử dụng các phần mềm đa dạng hoặc do nước ngoài sản xuất.

Đánh giá mức độ áp dụng kế toán điện tử trong sử dụng và cung cấp thông tin báo cáo kế toán (theo thang đo 5 mức độ), nghiên cứu thu thập được kết quả việc ghi sổ và lập báo cáo kế toán ở mức 3,84 (mức nhiều). Tỷ lệ này cũng bằng với việc ứng dụng kế toán số để tra cứu thông tin liên quan đến báo cáo kế toán của đơn vị. Nhưng việc áp dụng kế toán điện tử cho cung cấp tài liệu và phân tích các báo cáo kế toán cho mục đích quản lý thấp hơn (chỉ đạt 3,63).

Về nguồn nhân lực trong tổng số DNNVV được khảo sát, số lượng nhân viên ứng dụng kế toán điện tử chuyên nghiệp trong công tác kế toán (lập được các báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị) vẫn còn hạn chế: có khoảng 88% nhân viên DNNVV có kinh nghiệm trong việc sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản và Excel, 70% nhân viên sử dụng phần mềm kế toán (ở mức trung bình và trên trung bình); và gần 35% nhân viên DNNVV có thể sử dụng các ứng dụng khác như ERP và BI hoặc các phần mềm khác vào công tác kế toán của đơn vị. Kiểm chứng về mức độ hiểu biết của cán bộ DNNVV tham gia phỏng vấn, nghiên cứu sử dụng các thang đo (Likert) 3 mức độ để đánh giá, trình độ của nhân viên DNNVV trong việc áp dụng kế toán điện tử vào công việc kế toán đa số ở mức trung bình trong hầu hết các kỹ năng và kiến thức (Bảng 5).

3.3. Ảnh hưởng của kế toán điện tử tới tổ chức công tác kế toán

3.3.1. Sự tiện ích của kế toán điện tử làm gia tăng số lượng DNNVV áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán

Tại thời điểm nghiên cứu, các DNNVV có sử dụng kế toán điện tử và ở nhiều mức độ khác nhau diễn ra phổ biến, có 91% DNNVV nhận định: “Kế toán điện tử là việc vận dụng CNTT như sử dụng máy tính và mạng internet để thu thập, ghi chép, lưu trữ và phân tích dữ liệu tài chính, đồng thời đảm bảo thông tin tài chính quan trọng được kiểm soát, chính xác và an toàn khỏi tham nhũng dữ liệu”, các DN đã chuyển sang sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng trong tổ chức công tác kế toán thay cho các phần mềm ứng dụng cơ bản như excel (Hình 4). Ngoài ra, một số DN có quy mô vừa còn ứng dụng các phần mềm kế toán tích hợp quản trị nguồn lực, ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, ứng dụng công nghệ Blockchain. Điều này cho thấy có sự thay đổi về mức độ ứng dụng kế toán điện tử so với nghiên cứu trước đây. Kết quả nghiên cứu của Phan Lê Trang & cs. (2022) đã chỉ ra giai đoạn 2020-2022 tỷ lệ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng kế toán thủ công và bán thủ công (sử dụng một phần kế toán điện tử để hỗ trợ nhưng dừng ở mức độ giản đơn như phần mềm Excel kết hợp với ghi thủ công sổ kế toán) còn nhiều và mức độ áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán còn hạn chế.

Động cơ các DNNVV áp dụng kế toán điện tử là do thấy được lợi ích của kế toán điện tử: tiện ích, tiết kiệm thời gian ghi chép và sự chuyên nghiệp, ít sai sót đáp ứng yêu cầu của việc tổ chức công tác kế toán, có 290/374 DNNVV chuyển đổi áp dụng sang kế toán điện tử vì lý do này (Hình 5).

Khi áp dụng kế toán điện tử, hiệu quả đối với tổ chức công tác kế toán được cải thiện từ khâu lập chứng từ, ghi sổ đến báo cáo kế toán. Hiệu quả này được thể hiện trên ba góc độ: hiệu quả về thời gian, hiệu quả về chất lượng thông tin và hiệu quả trong sử dụng thông tin.

Ảnh hưởng của kế toán điện tử đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.2. Áp dụng kế toán điện tử thúc đẩy tổ chức công tác kế toán hiệu quả

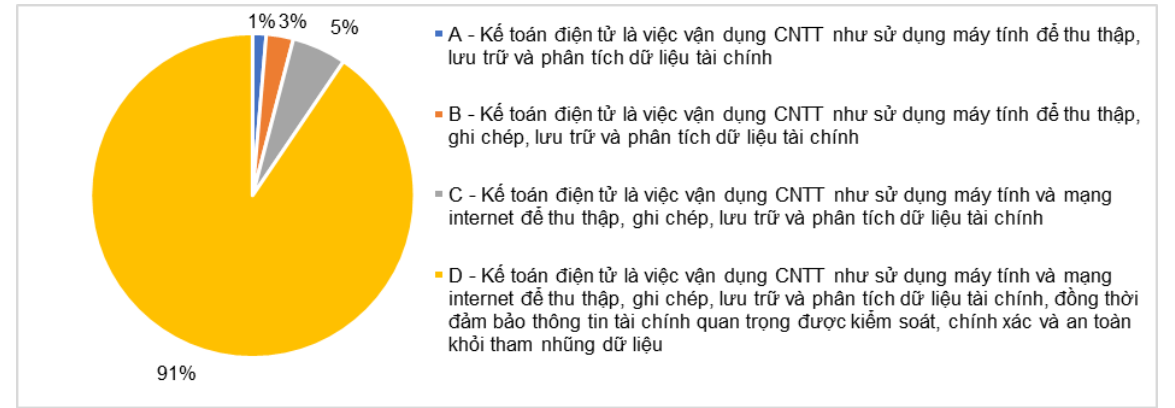
Trong số 400 DNNVV được điều tra ban đầu, nghiên cứu thu được 374 phản hồi đạt yêu cầu có đủ thông tin cho nội dung khảo sát, đồng thời đủ tiêu chuẩn quy mô mẫu cho 3 biến hiệu quả (thời gian, chất lượng thông tin, sử dụng thông tin) và

29 biến quan sát có ý nghĩa thống kê. Kiểm định mẫu thống kê Kolmogorov-Smimov và Shapiro-Wilk có mức ý nghĩa đạt 0,00 nhỏ hơn 0,05 đảm bảo độ tin cậy trên 95% (Bảng 6). Hệ số Cronbach’s Alpha cho thang đo 5 mức độ của cả 3 nhóm hiệu quả đều lớn hơn 0,6 cho thấy thang đo sử dụng cho nghiên cứu là phù hợp (Bảng 7).

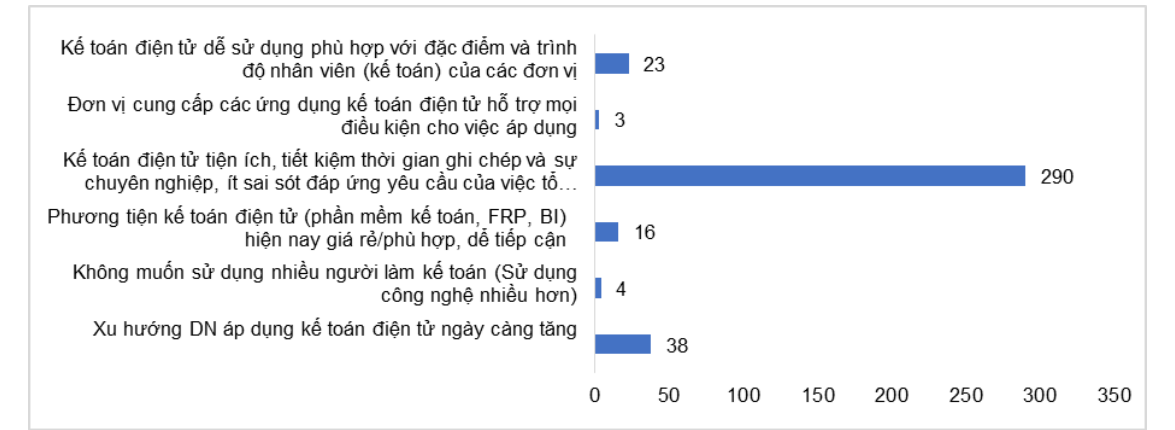
Bảng 5. Đánh giá kiến thức của nhân viên DNNVV về mức độ thành thạo khi áp dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán (năm 2024)

Mức độ đánh giá	Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản và Excel		Sử dụng phần mềm kế toán		Sử dụng các phần mềm khác (ERP, BI,...)	
	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ	Số lượng (n = 374)	Tỷ lệ
Dưới trung bình ¹	42	11,23	112	29,95	242	64,71
Trung bình ²	200	53,48	170	45,45	110	29,41
Trên trung bình ³	132	35,29	92	24,6	22	5,88

Ghi chú: ¹Dưới trung bình (Kiến thức trống rỗng hoặc thiếu nhiều kỹ năng); ²Trung bình (Biết cách nhưng không thể làm tốt hoặc làm với năng suất thấp); ³Trên trung bình (Biết cách làm và làm tốt hoặc hiệu quả).



Hình 4. Nhận định của DNNVV về kế toán điện tử (năm 2024)



Hình 5. Động cơ của DNNVV chuyển đổi sang áp dụng kế toán điện tử (năm 2024)

Xét hiệu quả về thời gian, việc áp dụng kế toán điện tử đạt mức điểm bình quân từ 4,05 đến 4,14. Trong đó quy trình kế toán - thu thập, tính toán và báo cáo dữ liệu đơn giản, nhanh chóng là tác động mạnh mẽ nhất, đồng thời số lượng sổ kế toán cũng giảm nhiều. Tìm hiểu chi tiết hơn, kế toán có thể: (i) tiết kiệm thời gian trong xây dựng quy trình công việc; (ii) sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tiết kiệm thời gian chờ đợi; (iii) rút gọn thời gian ghi chép và xử lý thông tin kế toán; (iv) công tác sao lưu và khôi phục dữ liệu nhanh chóng; (v) nhân viên kế toán có thể thực hiện công việc kế toán ở bất cứ đâu; (vi) cung cấp thông tin ở bất kỳ thời điểm nào; (vii) xử lý được những vấn đề phức tạp mà không mất nhiều thời gian và chi phí; (viii) các thông tin có thể thu thập qua nhiều phương tiện; (ix) giúp số lượng nhân viên kế toán có thể giảm đi; (x) giúp công việc của người kế toán tăng lên về mặt số lượng.

Xét hiệu quả về chất lượng thông tin, việc áp dụng kế toán điện tử đạt mức điểm bình quân từ 4,08-4,12. Trong đó, kế toán điện tử giúp: (i) thông tin kế toán minh bạch và chuyên nghiệp hơn; (ii) giúp công việc của người làm kế toán tăng lên về mặt chất lượng; sổ sách kế toán khoa học, dễ hiểu; (iii) hạn chế, loại trừ sự nhầm lẫn, sai sót và các lỗi kế toán thông thường; (iv) đảm bảo tính bảo mật và an toàn dữ liệu.

Hiệu quả trong sử dụng thông tin được đánh giá với mức điểm bình quân từ 4,09-4,11. Việc áp dụng kế toán điện tử giúp các DNNVV trong công tác kế toán: (i) tạo ra cơ hội tiếp cận phần mềm tiện ích, chi phí phù hợp, công tác kiểm soát được nâng cao; (ii) dung lượng dữ liệu thu thập lớn do có sự tích hợp thông tin từ các phương thức thu thập khác nhau; cung cấp thông tin theo nhiều mức độ khác nhau và cho nhiều đối tượng khác nhau; cung cấp thông tin, dữ liệu nhanh chóng, chính xác trên mọi phương diện; sổ

sách kế toán có thể thiết kế với các giao diện khác nhau phù hợp với yêu cầu của nhà quản lý; (iii) tiếp cận hệ thống kế toán, kiểm toán quốc tế dễ dàng hơn; nâng cao tính kiểm soát hiệu quả.

3.3.3. Khó khăn của DNNVV khi áp dụng kế toán điện tử

Mặc dù, kế toán điện tử đem lại nhiều hiệu quả cho tổ chức công tác kế toán của DNNVV, nhưng “tính bảo mật thông tin” vẫn là yếu tố khiến các DN e ngại việc áp dụng kế toán điện tử. Ngoài ra, để phát huy hết lợi thế của kế toán điện tử, đòi hỏi người làm kế toán ngoài chuyên môn, cần biết sử dụng các thiết bị điện tử, phần mềm và công cụ hỗ trợ tính toán dạng khối, internet và truyền tải trực tuyến. Song điều này không dễ đáp ứng, thậm chí không được ưu tiên với quy mô của các DNNVV bởi họ luôn bị hạn chế về nguồn lực, bao gồm cả yếu tố con người. Hơn nữa, từ phía các cơ sở đào tạo chuyên ngành kế toán, nhiều kiến thức mang tính đặc thù công nghệ chưa được bổ sung như sử dụng các phần mềm quản trị nguồn lực DN (ERP); thiết bị quản lý thông minh, trí tuệ nhân tạo (BI); ứng dụng công nghệ điện toán đám mây; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo; ứng dụng công nghệ Blockchain, vì vậy thiếu lao động có trình độ CNTT để có thể đa dạng các ứng dụng kế toán điện tử cho tổ chức công tác kế toán.

3.4. Kiến nghị giải pháp

Để thúc đẩy các DNNVV áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán nhiều hơn và chuyên sâu hơn như ứng dụng ERP, BI hay công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo hoặc Blockchain cần phải kiểm soát được các nguồn lực bên trong cũng như có sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng, từ các đơn vị đào tạo. Điều này đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ và ưu tiên một số giải pháp sau:

Bảng 6. Kiểm định độ tin cậy của mẫu khảo sát

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình mẫu điều tra (n = 374)	Kolmogorov-Smimov test (p-value) ^a	Shapiro-Wilk normality test (P-value) ^b
Hiệu quả về thời gian (HQT)	4,0998	< 0,001	< 0,001
Hiệu quả về chất lượng thông tin (HQC)	4,1019	< 0,001	< 0,001
Hiệu quả trong sử dụng thông tin (HQS)	4,1007	< 0,001	< 0,001

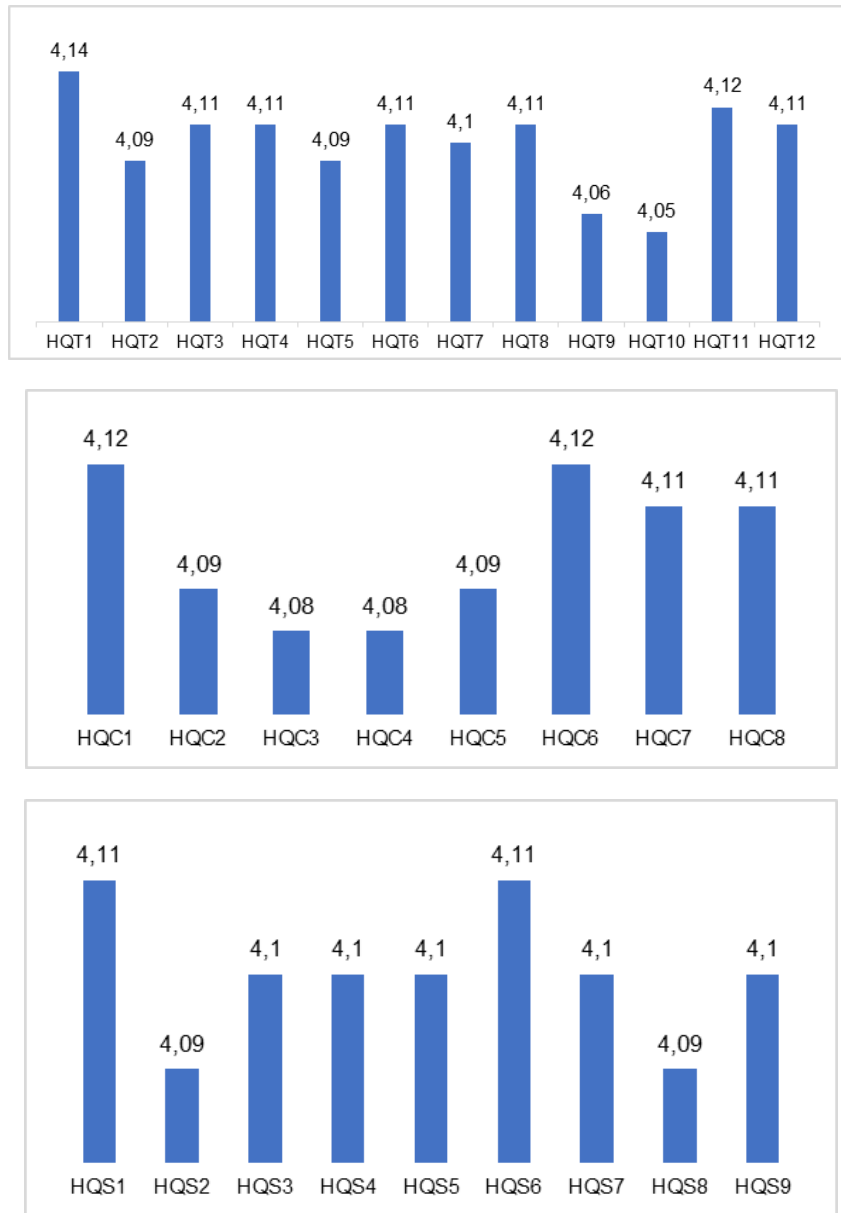
Ghi chú: a, b: Giá trị p-value của Kolmogorov-Smimov và Shapiro-Wilk normality test.

Bảng 7. Kiểm định độ tin cậy của thang đo (năm 2024)

Ký hiệu	Biến quan sát (Nội dung phản ánh)	Hệ số tương quan biến tổng
HQT: $a = 0,986$ $N = 12$		
HQT1	Thu thập, tính toán và báo cáo dữ liệu đơn giản và nhanh chóng hơn	0,928
HQT2	Xử lý được vấn đề phức tạp mà không mất nhiều thời gian và chi phí	0,909
HQT3	DN tiết kiệm thời gian trong xây dựng quy trình công việc	0,928
HQT4	Sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm thời gian, nhân lực	0,929
HQT5	Các thông tin được thu thập một cách nhanh chóng qua nhiều phương tiện thu thập khác nhau...	0,915
HQT6	Ghi chép và xử lý thông tin của kế toán rút gọn thời gian	0,921
HQT7	Kế toán có thể cung cấp thông tin tại bất kỳ thời điểm nào	0,938
HQT8	Công tác sao lưu và khôi phục dữ liệu nhanh chóng	0,930
HQT9	Giúp số lượng nhân viên kế toán có thể giảm đi	0,881
HQT10	Giúp công việc của người làm kế toán tăng lên về số lượng	0,925
HQT11	Sổ sách kế toán giảm đi với phương thức kế toán thủ công	0,900
HQT12	Kế toán viên có thể thực hiện công việc kế toán ở bất cứ đâu	0,893
HQC: $a = 0,975$ $N = 8$		
HQC1	Hoạt động kế toán tại DN trở nên hiệu quả, minh bạch và chuyên nghiệp hơn	0,897
HQC2	Hạn chế, loại trừ sự nhầm lẫn và tối thiểu hóa các lỗi kế toán	0,876
HQC3	Đảm bảo tính bảo mật và an toàn dữ liệu	0,869
HQC4	Thông tin kế toán được thu thập một cách chính xác	0,920
HQC5	Thông tin kế toán thu thập giảm thiểu độ sai sót với các phương thức kế toán thủ công	0,920
HQC6	Nâng cao năng suất lao động của kế toán lên nhiều lần so với kế toán thủ công	0,906
HQC7	Giúp công việc của người làm kế toán tăng lên về mặt chất lượng	0,893
HQC8	Sổ sách kế toán khoa học, dễ hiểu	0,906
HQS: $a = 0,983$ $N = 9$		
HQS1	Tạo ra cơ hội tiếp cận phần mềm tiện ích, chi phí phù hợp	0,925
HQS2	Tiếp cận hệ thống kế toán, kiểm toán quốc tế dễ dàng hơn	0,915
HQS3	Dung lượng dữ liệu thu thập được lớn do có sự tích hợp các thông tin từ các phương thức thu thập khác nhau	0,929
HQS4	Kế toán có thể cung cấp thông tin theo nhiều mức độ khác nhau	0,926
HQS5	Kế toán có thể cung cấp thông tin cho nhiều đối tượng khác nhau	0,919
HQS6	Công tác kiểm soát: xây dựng được nhiều quy trình, thủ tục làm việc, kiểm soát tốt hệ thống, xử lý dữ liệu có độ tin cậy cao	0,931
HQS7	Cung cấp thông tin, dữ liệu nhanh chóng, chính xác trên mọi phương diện	0,942
HQS8	Nâng cao tính kiểm soát hiệu quả: kiểm soát truy cập, kiểm soát các dữ liệu lưu trữ, kiểm soát các thao tác thủ tục, phân chia chức năng công việc, làm việc đúng quy trình....	0,931
HQS9	Sổ sách kế toán có thể thiết kế với các giao diện khác nhau phù hợp với yêu cầu của nhà quản lý	0,860

Một là: Đối với DNNVV, cần chủ động nâng cấp các ứng dụng kế toán điện tử phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Để làm được điều này, các DNNVV cần: (i) tạo dựng các cơ sở để triển khai hoặc cải thiện về nhân lực và cơ sở vật chất áp dụng kế toán điện tử; (ii) xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT phù hợp: đầu tư hệ thống máy tính và kết nối mạng phù hợp với ứng dụng kế toán điện tử, triển khai áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn

thông tin như mã hóa dữ liệu, xác thực hai yếu tố và phân quyền truy cập cho các nhân viên, thực hiện các chính sách bảo mật nội bộ nhằm bảo vệ dữ liệu và tuân thủ các yêu cầu pháp lý liên quan đến kế toán và tài chính. Người lao động trong DNNVV cần chủ động nâng cao kiến thức liên quan đến CNTT, kế toán quản lý để có thể xử lý các số liệu, các báo cáo kế toán của DN hiệu quả nhất, thông qua các chương trình tập huấn, hội thảo, các khoá học từ chuyên gia.



Hình 6. Hiệu quả đem lại cho DNNVV khi chuyển đổi sang áp dụng kế toán điện tử (năm 2024)

Hai là: Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đại diện là Chính phủ và các cơ quan ban ngành, cần: (i) chủ động xây dựng trung tâm dự phòng dữ liệu; (ii) nâng cấp hệ thống an ninh, bảo mật ở mức cao, bảo đảm việc mở rộng phạm vi hoạt động ổn định, an toàn, mang lại hiệu quả lâu dài; (iii) tạo điều kiện giúp các DNNVV áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán thông qua việc tuyên truyền,

phổ biến các kiến thức về hoạt động tài chính, kế toán, hoàn thiện các các khuôn khổ pháp lý của lĩnh vực kế toán; (iv) cung cấp các chính sách miễn, giảm thuế, hoặc hỗ trợ tài chính cho các DNNVV khi chuyển đổi sang kế toán điện tử; (v) đẩy mạnh các chương trình tư vấn miễn phí từ các cơ quan quản lý nhằm giúp các DNNVV thực hiện đúng quy trình kế toán điện tử.

Bảng 8. Khó khăn khi DNNVV áp dụng kế toán điện tử trong tổ chức công tác kế toán (năm 2024)

	Trung bình	Mức điểm thấp nhất	Mức điểm cao nhất
Khó khăn từ phía bên ngoài			
Ứng dụng kế toán điện tử chưa phục vụ được hoạt động có tính phức tạp và đặc thù chuyên môn cao	3,83	3	5
Thông tin, kết quả kế toán có thể bị rò rỉ từ việc gửi thư điện tử tới đơn vị hoặc các tổ chức, cá nhân bên ngoài, trao đổi qua mạng nội bộ	3,87	3	5
Dễ bị lợi dụng các thông tin, kết quả kế toán chưa chính thức, để thực hiện các mục đích phá hoại, gây ảnh hưởng tới DN	3,86	2	5
Công tác đào tạo mới chỉ dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức nền, chưa chuyên sâu, đa ngành, nhất là đối với những kiến thức mang tính đặc thù công nghệ	3,86	2	5
Khó khăn từ phía DN			
Các nhà quản lý vẫn chưa ủng hộ mạnh mẽ việc ứng dụng kế toán điện tử trong công tác kế toán	3,75	1	5
Lao động thiếu trình độ CNTT	3,82	1	5
Chất lượng hạ tầng CNTT của các DN vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.	3,82	2	5

Ba là: Các đơn vị đào tạo như các trường đại học, cao đẳng cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và am hiểu công nghệ mới như đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng: nghiên cứu công nghệ, phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý đào tạo; đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo qua việc chú trọng các nghiên cứu mô phỏng, tăng cường đào tạo gắn với thực tiễn.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ ảnh hưởng của kế toán điện tử tới tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội không chỉ làm tăng về số lượng mà còn thay đổi về mức độ áp dụng, từ kế toán bán thủ công lên phần mềm kế toán chuyên dụng và kết hợp với ứng dụng điện toán đám mây để lưu trữ dữ liệu. Tuy nhiên, để các DNNVV áp dụng thành công kế toán điện tử (như ứng dụng công nghệ AI; ứng dụng công nghệ Blockchain, phần mềm ERP, BI) thì cần có sự hỗ trợ từ phía cơ quan nhà nước, các đơn vị đào tạo và bản thân DN phải thấy được các hiệu quả mà kế toán điện tử đem lại. Mặc dù bị giới hạn về cỡ mẫu, thời gian và cơ cấu loại hình DN khảo sát, cũng như sự khác biệt giữa các loại công nghệ ERP,

BI hay trí tuệ nhân tạo ảnh hưởng đến tổ chức nội dung công việc của kế toán trong DNNVV, nhưng kết quả nghiên cứu không chỉ hữu ích đối với các DNNVV trong thực tiễn, mà còn là tài liệu tham khảo ý nghĩa cho các nghiên cứu tiếp theo liên quan cùng chủ đề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Artýk M.B. & Kula V. (2023). Overcoming barriers to e-accounting adoption: A survey of accountants in Turkey. *Journal of Corporate Governance, Insurance, and Risk Management* 10(1): 50-57.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam*. Nhà xuất bản Thống kê.

Chu Thị Thương, Nguyễn Thị Minh Hằng, Phan Thị Huyền, Lê Văn Tuấn & Phan Thị Bích Ngọc (2022). Mối quan hệ giữa tin học hoá kế toán và hiệu quả công việc của nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí nghiên cứu Tài chính-Marketing*. 70: 89-102.

Fitriati A. & Mulyani S. (2015). Factors that affect accounting information system success and its implication on accounting information quality. *Asian Journal of Information Technology*. 14(5): 154-161.

Jamieson S. (2013). Likert Scale. *Encyclopaedia Britannica*. Retrieved from <https://www.britannica.com/topic/Likert-Scale> on Feb, 2024.

- Hair J., Black W., Babin B., Anderson R. & Tatham R. (2006). *Multivariate Data Analysis*, 6th ed. PrenticeHall International, Upper Saddle River, NJ.
- Kumar S. & Preeti J. (2012). What and why e-Accounting? *The Economic Changer*. 14(55): 123.
- Nunnally J.C. & Bernstein I.H. (1994). The Assessment of Reliability. *Psychometric Theory*. 3: 248-292.
- Nwokwu Tochukwu Christian. (2023). Impact of E-Accounting on Accountants' Performance in the Nigerian Public Sector. *Sumerianz Journal of Economics and Finance*. 6(1): 1-9.
- Phạm Quang Huy & Vũ Kiến Phúc (2021). Tác động của nhận thức đến việc triển khai kế toán số tại doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh châu Á*. tr. 1201-1242.
- Phan Lê Trang, Phí Thị Diễm Hồng, Trần Nguyễn Thị Yến & Nguyễn Thị Hải Bình (2022a). Xác định nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 20(5): 665-676.
- Phan Lê Trang, Phí Thị Diễm Hồng, Trần Nguyễn Thị Yến & Nguyễn Thị Hải Bình (2022b). Assessing the Status of Information Technology Applications to Accounting Work by SMEs in Hanoi: Implications for E-accounting. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 5(4): 1660-1673.
- Teru S.P., Idoko I.F. & Bello L. (2019). The Impact of E - Accounting in Modern Businesses. *International Journal of Accounting & Finance Review*. 4(2): 1-4.
- Zakaria W.Z.W., Rahman S.F. & Elsayed M. (2011). An Analysis of Task Performance Outcomes through E-Accounting in Malaysia. *Journal of Public Administration and Governance*. 1(2): 124-139.